

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LONG PHỤNG
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày /...../2025 của Ủy ban nhân dân xã Long Phụng)

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Điều chỉnh, bổ sung tăng (+), giảm (-)					
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
								Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động		Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã
	Tổng cộng						25.177,6	19.309,9	2.793,0	2.844	230,4	25.177,6	19.309,9	2.793,0	2.844,3	230,4	6.772,1	-707,5	1.728,4	1.877,6	1.139,2
I	Giao thông						15.008,8	11.966,9	1.501,0	1.540,9		15.008,8	11.966,9	1.501,0	1.540,9		0,0				
1	Đ.Xã: Các hệ thống cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc độ, cây xanh, đèn chiếu sáng...) tại các tuyến đường xã. Gồm có 9 tuyến đường.	UBND xã Long Phụng	Trên địa bàn các thôn Vinh Phú, Kỳ Tân, An Chuẩn	8930m	2022-2023		419,8	335,8	42,0	42,0		419,8	335,8	42,0	42,0		0,0				
2	Đ. Xã BTXM: Nâng cấp tuyến đường trung tâm xã từ Nhà văn hóa thôn Kỳ Tân đến ngã tư ông tám (GĐ 1)	UBND xã Long Phụng	Thôn Kỳ Tân	Nâng cấp 300m đường	2022-2023		1.200	960,0	120,0	120,0		1.200,0	960,0	120,0	120,0		0,0				
3	Đ. Xã BTXM: Tuyến ven biển KDV Trùng dương - Trạm biên phòng Đức Lợi (GĐ 3)	UBND xã Long Phụng	Thôn Kỳ Tân, An Chuẩn	700m	2022-2023		1.150,0	920,0	115,0	115,0		1.150,0	920,0	115,0	115,0		0,0				
4	Đ. Xã BTXM: Nâng cấp tuyến đường ngã tư Vinh Phú - KDV Trùng Dương	UBND xã Long Phụng	Thôn Vinh Phú	Nâng cấp 400m đường	2022-2023		1.200,0	960,0	120,0	120,0		1.200,0	960,0	120,0	120,0		0,0				
5	Đ. Xã BTXM: Tuyến Lê Minh Chín - Lê Văn Thor	UBND xã Long Phụng	Thôn An Mô	400m	2022-2023		800,0	640,0	80,0	80,0		800,0	640,0	80,0	80,0		0,0				
6	Đ. xã: Tuyến ven biển Khu dịch vụ Trùng Dương - Trạm Biên phòng Đức Lợi (giai đoạn 4)	UBND xã Long Phụng	Thôn Kỳ Tân, An Chuẩn	400m	2023		1.146,8	877,4	114,7	154,7		1.146,8	877,4	114,7	154,7		0,0				
7	Đ. thôn BTXM: Nâng cấp tuyến đường Trường Mầm non Đức Lợi - Phạm Tấn An	UBND xã Long Phụng	Thôn Kỳ Tân	Nâng cấp 450m đường	2023		600,0	480,0	60,0	60,0		600,0	480,0	60,0	60,0		0,0				
8	Đ. Xã: BTXM tuyến Ngô Ngọc - Ngô Huy	UBND xã Long Phụng	Thôn 8	600m			720,0	576,0	72,0	72,0		720,0	576,0	72,0	72,0		0,0				
9	Đ. Xã: BTXM tuyến Ngô Quỳnh - Ngô Tọa	UBND xã Long Phụng	Thôn 3,4	500m	2023		600,0	480,0	60,0	60,0		600,0	480,0	60,0	60,0		0,0				
10	Đ. thôn BTXM tuyến Trần Bài - Lương Giảng	UBND xã Long Phụng	Thôn Mỹ Khánh	250m	2024		281,0	224,8	28,1	28,1		281,0	224,8	28,1	28,1		0,0				
11	Đ. thôn BTXM tuyến ngõ Hết - Thi	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	165m	2024		210,0	168,0	21,0	21,0		210,0	168,0	21,0	21,0		0,0				
12	Đ. thôn tuyến Lương Thạch Nghĩa - Dương Trương	UBND xã Long Phụng	Thôn An Tinh	142m	2024		142,0	113,6	14,2	14,2		142,0	113,6	14,2	14,2		0,0				
13	Đ. thôn tuyếnNgô Chưu - Lê Tuấn Huệ	UBND xã Long Phụng	Thôn Dương Quang	664,5m	2023		664,5	531,6	66,5	66,4		664,5	531,6	66,5	66,4		0,0				
14	Đ. thôn BTXM tuyến Ngô Nghiêm - Ngô Ba (giai đoạn 2)	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	210m	2022-2023		210,0	168,0	21,0	21,0		210,0	168,0	21,0	21,0		0,0				
15	Đ. thôn BTXM tuyến Chuyên - Khuê	UBND xã Long Phụng	Thôn Thanh Long	366m	2022-2023		366,0	292,8	36,6	36,6		366,0	292,8	36,6	36,6		0,0				
16	Đ. thôn BTXM tuyến Lê Mỹ Sương - Hồ Thị Dung	UBND xã Long Phụng	Thôn Dương Quang	328m	2024		328,0	262,4	32,8	32,8		328,0	262,4	32,8	32,8		0,0				
17	Cứng hóa tuyến Đỗ Đăng Tuấn - Hồ Thị Dung	UBND xã Long Phụng	Thôn Dương Quang	415m	2023-2024		165,0	132,0	16,5	16,5		165,0	132,0	16,5	16,5		0,0				
18	Đ. Thôn, tuyến Nguyễn Thanh Tâm - Nguyễn Bọc	UBND xã Long Phụng	Thôn Dương Quang	362m	2024		362,0	289,6	36,2	36,2		362,0	289,6	36,2	36,2		0,0				
19	Đ xã, BTXM tuyến ven biển KDV Trùng Dương - Trạm Biên phòng Đức Lợi (gđ 5)	UBND xã Long Phụng	Thôn Kỳ Tân, An Chuẩn		2025		850,0	680,0	85,0	85,0		850,0	680,0	85,0	85,0		0,0				
20	Đường xã, tuyến UBND xã đi bãi Dầu (Phước Sơn - Phú An)	UBND xã Long Phụng	Thôn Phước Sơn, Phú An	1000m	2023		1.358,8	1.087,0	135,9	135,9		1.358,8	1.087,0	135,9	135,9		0,0				
21	Cổng phục vụ vùng sản xuất bãi Dầu	UBND xã Long Phụng	Thôn Phú An	L=10m, khổ 3,5m	2023		1.090,0	872,0	109,0	109,0		1.090,0	872,0	109,0	109,0		0,0				
22	Đường và kè chống lũ thôn Phú An	UBND xã Long Phụng	Thôn Phú An		2025		1.144,9	915,9	114,5	114,5		1.144,9	915,9	114,5	114,5		0,0				
II	Công trình thủy lợi						3.440,2	2.752,2	344,0	344,0		3.440,2	2.752,2	344,0	344,0		0,0				
1	Hệ thống mương tiêu nước vùng SXNN xóm C, xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức	UBND xã Long Phụng	Thôn An Mô	900m	2022-2023		1.000,0	800,0	100,0	100,0		1.000,0	800,0	100,0	100,0		0,0				

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Điều chỉnh, bổ sung tăng (+), giảm (-)					
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
								Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động		Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã
2	KCH tuyến kênh đồng Bền Bè	UBND xã Long Phụng	Thôn An Mô	260m	2023		400,0	320,0	40,0	40,0		400,0	320,0	40,0	40,0		0,0				
3	KCH kênh S18-2 - Gò Vo - Đồng Gò	UBND xã Long Phụng	Thôn 5,6	482m	2023		578,4	462,7	57,8	57,8		578,4	462,7	57,8	57,8		0,0				
4	KCH kênh Nhị Cầu Cát - Trước Viên Ngõ Hàn	UBND xã Long Phụng	Thôn 6	384m	2023		460,8	368,6	46,1	46,1		460,8	368,6	46,1	46,1		0,0				
5	KCH tuyến kênh S18-2-5-4 (GD 4)	UBND xã Long Phụng	Thôn Dương Quang	93m	2024		150,0	120,0	15,0	15,0		150,0	120,0	15,0	15,0		0,0				
6	KCH tuyến kênh S18-2-5 nổi dài	UBND xã Long Phụng	Thôn Tân Định	258m	2024		275,0	220,0	27,5	27,5		275,0	220,0	27,5	27,5		0,0				
7	Kênh S18-2A, xã Đức Hiệp	UBND xã Long Phụng	Thôn Phú An, Phước Sơn	950m	2022-2023		576,0	460,8	57,6	57,6		576,0	460,8	57,6	57,6		0,0				
III	Công trình hạ tầng kỹ thuật khác						1.617,9	1.077,6	270,2	270,2		1.617,9	1.077,6	270,2	270,2		0,0				
1	Hệ thống thoát nước tuyến đường trung Tâm xã (GD 2)	UBND xã Long Phụng	Thôn Kỳ Tân	470m	2022-2023		850,0	510,0	170,0	170,0		850,0	510,0	170,0	170,0		0,0				
2	Hệ thống điện chiếu sáng đường trung tâm xã	UBND xã Long Phụng	Thôn Vĩnh Phú, Kỳ Tân		2022-2023		612,1	489,7	61,2	61,2		612,1	489,7	61,2	61,2		0,0				
3	Hệ thống điện khu sản xuất Mã Ca	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	600m	2024		155,8	77,9	39,0	39,0		155,8	77,9	39,0	39,0		0,0				
IV	Lĩnh vực Văn hóa						4.060,7	2.673,3	572,8	584,2	230,4	4.060,7	2.673,3	572,8	584,2	230,4	-1.010,7	-707,5	0,0	-151,6	0,0
1	Xây dựng Công viên văn hóa, điểm dừng chân tại Cửa Lở, thôn An Chuẩn, xã Đức Lợi	UBND xã Long Phụng	Thôn An Chuẩn		2023		700,0	490,0	105,0	105,0		700,0	490,0	105,0	105,0		0,0				
2	Nhà văn hóa thôn Mỹ Khánh	UBND xã Long Phụng	Thôn Mỹ Khánh	1 nhà	2022-2023		1.050,0	735,0	157,5	78,7	78,8	1.050,0	735,0	157,5	78,7	78,8	0,0				
3	Sân vận động thể thao xã Đức Nhuận	UBND xã Long Phụng	Thôn 3	Hạ tầng kỹ thuật; Sân nền, đường bao...	2022-2023		900,0	460,8	98,7	340,5		900,0	460,8	98,7	340,5		0,0				
4	Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn 5	UBND xã Long Phụng	Thôn 5	100m2	2023		400,0	280,0	60,0	60,0		400,0	280,0	60,0	60,0		0,0				
5	Sửa chữa, nâng cấp các điểm sinh hoạt văn hóa tại các nhà văn hóa thôn, xã Đức Nhuận	UBND xã Long Phụng					1.010,7	707,5	151,6		151,6	1.010,7	707,5	151,6		151,6	-1.010,7	-707,5		-151,6	
V	Lĩnh vực Giáo dục						1.050,0	840,0	105,0	105,0		1.050,0	840,0	105,0	105,0		0,0				
1	Trường Mầm non Đức Lợi	UBND xã Long Phụng	Thôn Kỳ Tân	03 phòng chức năng	2022-2023		1.050,0	840,0	105,0	105,0		1.050,0	840,0	105,0	105,0		0,0				
VI	Đầu tư đường giao thông theo cơ chế xi măng																7.783		1.728,4	2.029,2	1.139
*	Đường trục thôn và đường liên thôn			1868													1.499		434	532	266
1	Công trình: Đường BTXM thôn 1	UBND xã Long Phụng	Thôn 1	830	2025												666		193	237	118
2	Công trình: Đường BTXM thôn 2	UBND xã Long Phụng	Thôn 2	319	2025												256		74	91	45
3	Công trình: Đường BTXM thôn 6	UBND xã Long Phụng	Thôn 6	489	2025												392		114	139	70
4	Công trình: Đường BTXM thôn 8	UBND xã Long Phụng	Thôn 8	120	2025												97		28	34	17
5	Tỉnh lộ - Ngõ Tấn	UBND xã Long Phụng	Thôn 4	110	2025												88		26	31	16
*	Đường ngõ xóm			7274													4.948	-	1.018	1.179,1	555
1	Đường BTXM ngõ, xóm thôn An Tinh	UBND xã Long Phụng	Thôn An Tinh	182	2025												116		22	28,5	28
2	Đường BTXM ngõ, xóm thôn Gia Hòa	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	333	2025												216		43	52,0	52
3	Đường BTXM ngõ, xóm thôn Dương Quang	UBND xã Long Phụng	Thôn Dương Quang	338	2025												216		44	51,5	52
4	Đường BTXM ngõ, xóm thôn Thanh Long	UBND xã Long Phụng	Thôn Thanh Long	180	2025												118		24	28,1	28
5	Đường BTXM ngõ, xóm thôn Mỹ Khánh	UBND xã Long Phụng	Thôn Mỹ Khánh	435,5	2025												286		59	68,0	68
6	Đường BTXM tuyến Đ.tỉnh - Phan Trinh thôn Tân Định	UBND xã Long Phụng	Thôn Tân Định	77	2025												49		9	12,0	12

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Quy mô	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Điều chỉnh, bổ sung tăng (+), giảm (-)							
						Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó			
								Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động		Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động		Vốn NSTW	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã
7	Công trình: Bê tông xi măng đường ngõ xóm thôn Phú An	UBND xã Long Phụng	Thôn Phú An	523,5	2025										336		77	77,7	52		
8	Công trình: Bê tông xi măng đường ngõ xóm thôn Phước Sơn	UBND xã Long Phụng	Thôn Phước Sơn	700	2025										897		96	240,6	160		
9	Công trình: Bê tông xi măng đường ngõ xóm thôn Nghĩa Lập	UBND xã Long Phụng	Thôn Nghĩa Lập	302	2025										190		43	44,1	30		
10	Đường bê tông - Ngõ Hải	UBND xã Long Phụng	Thôn 6	43	2025										27		6	6,1	1		
11	Đường huyện - Ngõ Nghĩa	UBND xã Long Phụng	Thôn 2	45	2025										28		7	6,5	1		
12	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 1	UBND xã Long Phụng	Thôn 1	989	2025										611		146	139,2	18		
13	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 3	UBND xã Long Phụng	Thôn 3	275	2025										157		37	35,8	5		
14	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 4	UBND xã Long Phụng	Thôn 4	413	2025										250		60	57,0	7		
15	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 5	UBND xã Long Phụng	Thôn 5	461	2025										256		61	58,6	8		
16	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 7	UBND xã Long Phụng	Thôn 7	1678	2025										1.029		246	234,9	30		
17	Công trình: Đường BTXM ngõ xóm thôn 8	UBND xã Long Phụng	Thôn 8	299	2025										168		40	38,5	5		
*	Đường trục chính nội đồng			1855											1.336	-	277	318	318		
1	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Tân Định (GD1)	UBND xã Long Phụng	Thôn Tân Định	902	2025										604		135	141	141		
2	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn Gia Hòa (GD1)	UBND xã Long Phụng	Thôn Gia Hòa	300	2025										201		45	47	47		
3	Đường BTXM trục chính nội đồng thôn An Tĩnh (GD1)	UBND xã Long Phụng	Thôn An Tĩnh	463	2025										405		69	101	101		
4	Đường BTXM trục chính nội đồng tuyến Bà Thanh - Mẫu Tám thôn An Mô	UBND xã Long Phụng	Thôn An Mô	190	2025										127		28	30	30		

Đvt: Triệu đồng

Kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
Vốn huy động	Tổng số	Trong đó				
		Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động	
2.734,4	31.949,7	20.330,8	4.670,6	3.983,4	2.964,8	
	15.008,8	11.966,9	1.501,0	1.540,9		
	419,8	335,8	42,0	42,0		
	1.200,0	960,0	120,0	120,0		
	1.150,0	920,0	115,0	115,0		
	1.200,0	960,0	120,0	120,0		
	800,0	640,0	80,0	80,0		
	1.146,8	877,4	114,7	154,7		
	600,0	480,0	60,0	60,0		
	720,0	576,0	72,0	72,0		
	600,0	480,0	60,0	60,0		
	281,0	224,8	28,1	28,1		
	210,0	168,0	21,0	21,0		
	142,0	113,6	14,2	14,2		
	664,5	531,6	66,5	66,4		
	210,0	168,0	21,0	21,0		
	366,0	292,8	36,6	36,6		
	328,0	262,4	32,8	32,8		
	165,0	132,0	16,5	16,5		
	362,0	289,6	36,2	36,2		
	850,0	680,0	85,0	85,0		
	1.358,8	1.087,0	135,9	135,9		
	1.090,0	872,0	109,0	109,0		
	1.144,9	915,9	114,5	114,5		
	3.440,2	2.752,2	344,0	344,0		
	1.000,0	800,0	100,0	100,0		

		Kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
Vốn huy động	Tổng số	Trong đó				
		Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động	
	400,0	320,0	40,0	40,0		
	578,4	462,7	57,8	57,8		
	460,8	368,6	46,1	46,1		
	150,0	120,0	15,0	15,0		
	275,0	220,0	27,5	27,5		
	576,0	460,8	57,6	57,6		
	1.617,9	1.077,6	270,2	270,2		
	850,0	510,0	170,0	170,0		
	612,1	489,7	61,2	61,2		
	155,8	77,9	39,0	39,0		
-151,6	3.050,0	1.965,8	421,2	584,2	78,8	
	700,0	490,0	105,0	105,0		
	1.050,0	735,0	157,5	78,7	78,8	
	900,0	460,8	98,7	340,5		
	400,0	280,0	60,0	60,0		
-151,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	
	1.050,0	840,0	105,0	105,0		
	1.050,0	840,0	105,0	105,0		
2.886,0	7.783	1.728,4	2.029,2	1.139	2.886	
266	1.499	434	532	266	266	
118	666	193	237	118	118	
45	256	74	91	45	45	
70	392	114	139	70	70	
17	96	28	34	17	17	
16	88	26	31	16	16	
2.196	4.948	1.018	1.179	555	2.196	
38	116	22	28	28	38	
69	216	43	52	52	69	
69	216	44	52	52	69	
37	118	24	28	28	37	
91	286	59	68	68	91	
16	49	9	12	12	16	

Kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
Vốn huy động	Tổng số	Trong đó				
		Vốn NSTW và NS tỉnh	Vốn NS huyện	Vốn NS xã	Vốn huy động	
130	337	77	78	52	130	
401	897	96	240	160	401	
74	190	43	44	30	74	
13	27	6	6	1	13	
14	28	7	6	1	14	
308	611	146	139	18	308	
79	157	37	36	5	79	
126	250	60	57	7	126	
129	256	61	59	8	129	
518	1.029	246	235	30	518	
85	168	40	39	5	85	
424	1.336	277	318	318	424	
188	604	135	141	141	188	
62	201	45	47	47	62	
134	405	69	101	101	134	
40	127	28	30	30	40	